

## BẢNG TỔNG HỢP

**Diện tích đất thu hồi thực hiện dự án: Trụ sở làm việc công an các xã:  
Nậm Khao - Công an huyện Mường Tè; xã Nậm Pì, Pú Dao, Mường Mô, Nậm Hàng, Lê Lợi - Công an  
huyện Nậm Nhùn; Hồ Thầu - Công an Huyện Tam Đường; San Thành - Công an thành Phố Lai Châu  
(Hạng mục: Trụ sở làm việc công an xã Hồ Thầu - Công an huyện Tam Đường)**

*(Kèm theo Thông báo số: 976/TB-UBND ngày 04/10/2024 của UBND huyện Tam Đường)*

*Đơn vị tính m<sup>2</sup>*

STT	Tên chủ sử dụng, quản lý	Địa chỉ chủ sử dụng	Tờ bản đồ số	Số thửa	Loại đất	Diện tích thu hồi	Diện tích thu hồi chia ra các loại đất	
							Tổng	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			67	1012	LUK	4,7	4,7	4,7
			67	1013	LUK	39,8	39,8	39,8
			67	1014	LUK	0,3	0,3	0,3
			67	1015	LUK	52,9	52,9	52,9
			67	1016	LUK	86,4	86,4	86,4
			67	1017	LUK	51,0	51,0	51,0
			67	1018	LUK	16,2	16,2	16,2

Đơn vị tính m<sup>2</sup>

STT	Tên chủ sử dụng, quản lý	Địa chỉ chủ sử dụng	Tờ bản đồ số	Số thửa	Loại đất	Diện tích thu hồi	Diện tích thu hồi chia ra các loại đất	
							Tổng	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Tân A Tôn	Bản Rừng Ôi, xã Hồ Thâu, huyện Tam Đường	67	1019	LUK	110,0	110,0	110,0
			67	1020	LUK	266,2	266,2	266,2
			67	1021	LUK	100,6	100,6	100,6
			67	1022	LUK	119,1	119,1	119,1
			67	1023	LUK	45,4	45,4	45,4
			67	1024	LUK	1,1	1,1	1,1
			67	1025	LUK	42,7	42,7	42,7
			67	1026	LUK	179,0	179,0	179,0
			67	1027	LUK	48,0	48,0	48,0
			67	1028	LUK	32,1	32,1	32,1

Đơn vị tính m<sup>2</sup>

STT	Tên chủ sử dụng, quản lý	Địa chỉ chủ sử dụng	Tờ bản đồ số	Số thửa	Loại đất	Diện tích thu hồi	Diện tích thu hồi chia ra các loại đất	
							Tổng	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			67	1029	LUK	154,7	154,7	154,7
			67	1030	LUK	111,1	111,1	111,1
			67	1031	LUK	5,6	5,6	5,6
			67	1032	LUK	91,1	91,1	91,1
			67	1033	LUK	89,5	89,5	89,5
			67	1034	LUK	51,8	51,8	51,8
<b>Tổng</b>						<b>1.699,3</b>	<b>1.699,3</b>	<b>1.699,3</b>